TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **1144**/2026/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày 07 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - HÀ NỘI

Căn cứ vào khoản 4 Điều 397, Điều 212, Điều 213, khoản 2 Điều 149 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân & Gia đình thụ lý số: ***, về việc: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân & Gia đình:

- Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1993

HKTT: Thôn A, xã H, tỉnh L.

Nơi ở: Tổ dân phố số B, xã H, tỉnh L.

- Chị Nguyễn Thị Minh P, sinh năm 1997

HKTT: Tổ C phường P, thành phố Hà Nội

Nơi ở: Tổ D phường P, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn Đ và chị Nguyễn Thị Minh P có tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 10/11/2015 tại UBND phường P, quận B, thành phố Hà Nội trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, anh Đ và chị P chung sống hạnh phúc. Đến năm 2025 anh Đ và chị P phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn kéo dài và ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn dẫn đến cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh Đ và chị P cùng thỏa thuận ly hôn. Anh Đ và chị P đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh Trần Văn Đ và chị Nguyễn Thị Minh P xác nhận có hai con chung là: Trần Minh Đ1, sinh năm 2015; Trần Phúc H, sinh năm 2020. Anh Đ và chị P thỏa thuận và thống nhất: Sau khi ly hôn, anh Đ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu Minh Đ1, Phúc H. Chị P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Phúc H, mức cấp dưỡng: 4.000.000 (Bốn triệu) đồng/tháng kể từ tháng 8 năm 2026 cho đến khi cháu Phúc H đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác.

[3] Về tài sản chung: Anh Đ và chị P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh Đ và chị P xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Anh Đ tự nguyện chịu cả 300.000 (Bằng chữ: Ba trăm nghìn) đồng lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về Hôn nhân và Gia đình.

Xét thấy: Việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 30 tháng 7 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trần Văn Đ và chị Nguyễn Thị Minh P.

- Về con chung: Anh Trần Văn Đ và chị Nguyễn Thị Minh P xác nhận có hai con chung là: Trần Minh Đ1, sinh năm 2015; Trần Phúc H, sinh năm 2020. Anh Đ và chị P thỏa thuận và thống nhất: Sau khi ly hôn, anh Đ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu Minh Đ1, Phúc H. Chị P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Phúc H, mức cấp dưỡng: 4.000.000 (Bốn triệu) đồng/tháng kể từ tháng 8 năm 2026 cho đến khi cháu Phúc H đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác.

Chị Nguyễn Thị Minh P có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh Trần Văn Đ và chị Nguyễn Thị Minh P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Trần Văn Đ và chị Nguyễn Thị Minh P xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Trần Văn Đ tự nguyện nộp cả 300.000 (Bằng chữ: Ba trăm nghìn) đồng lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về Hôn nhân và Gia đình. Ghi nhận anh Đ đã nộp 300.000 (Bằng chữ: Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng lệ phí yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và Gia đình tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Hà Nội. Anh Đ đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 4 – Hà Nội;
- Phòng THADS khu vực 4 – Hà Nội;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Anh Huy